

## BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO HƯỚNG TỰ CHỦ

NGUYỄN THỊ YẾN NAM\*

### TÓM TẮT

*Bài viết phân tích một số xu hướng nghiên cứu, kinh nghiệm quốc tế và trong nước về quản lý tài chính và tự chủ tài chính giáo dục đại học (GDĐH); tìm hiểu và phân tích cơ sở lý luận, quan điểm, chính sách của Nhà nước Việt Nam về tài chính cho GDĐH và tăng cường tự chủ tài chính trong tự chủ đại học.*

**Từ khóa:** giáo dục đại học, tự chủ tài chính.

### ABSTRACT

*An initial study on financial autonomy in tertiary education*

*This article analyses the global trends, the national and international experiences in financial management and financial autonomy at tertiary education level; reviews and analyses policies of the Vietnam's government in finance at tertiary education level and increasing financial autonomy in university autonomy.*

**Keywords:** higher education, financial autonomy.

### 1. Đặt vấn đề

Giáo dục - đào tạo được xem là dịch vụ công, được nhà nước cung cấp nguồn lực tài chính để phục vụ lợi ích chung của tất cả mọi người, thực hiện chính sách công bằng xã hội. Giáo dục - đào tạo vừa là mục tiêu vừa là động lực của nền kinh tế, tạo nguồn nhân lực chất lượng có kỹ năng và năng suất lao động cao.

Bối cảnh kinh tế xã hội hiện nay đòi hỏi hệ thống giáo dục - đào tạo nước ta phải thay đổi để đáp ứng sự phát triển về kinh tế xã hội. Xu thế toàn cầu hóa, những cam kết phải thực hiện khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) buộc chúng ta phải thay đổi quan điểm, cơ chế quản lý về dịch vụ giáo dục - đào tạo, nhất là trong lĩnh vực đào tạo

nguồn nhân lực theo hướng là dịch vụ có tính cạnh tranh theo quy luật thị trường.

Vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân của nước ta vì vậy được đặt ra như một đòi hỏi bức thiết, trong đó đổi mới cơ chế quản lý, nhất là về tài chính, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước và đảm bảo chất lượng giáo dục - đào tạo là một nội dung then chốt.

GDĐH giữ vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Đầu tư cho GDĐH cũng chính là đầu tư cho nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trong điều kiện ngân sách hạn chế như hiện nay, việc đầu tư nhằm tăng cường về chất lượng hay quy mô GDĐH là vấn đề cần được bàn thảo kỹ lưỡng để có ưu tiên hợp lý. Cách thức phân bổ kinh

---

\* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

phí cho các cơ sở GDĐH hay chính sách công bằng xã hội ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả đầu tư cho giáo dục - đào tạo. Việc huy động các nguồn lực xã hội cùng với chính sách học phí, tín dụng học tập hợp lý sẽ giúp tăng thêm nguồn lực đầu tư, bổ sung ngân sách để trang trải chi phí nhằm nâng cao chất lượng GDĐH. Do đó, chúng tôi tìm hiểu, phân tích một số xu hướng nghiên cứu và kinh nghiệm quốc tế về quản lý tài chính và tự chủ tài chính GDĐH; nghiên cứu cơ sở lý luận, hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tài chính cho GDĐH và tăng cường tự chủ tài chính trong tự chủ đại học nhằm làm rõ hơn về vấn đề này.

## **2. Một số nghiên cứu ngoài nước về quản lý và tự chủ tài chính trong giáo dục đại học**

### **2.1. Quản lý tài chính trong giáo dục đại học**

Về tài chính GDĐH, các cơ sở GDĐH thu hút vốn từ nhiều nguồn: ngân sách nhà nước và tư nhân. Khi quy mô và phạm vi hoạt động của một trường đại học phát triển thì áp lực về tài chính ngày càng tăng, dẫn đến đòi hỏi cao hơn về hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính. Chính vì thế, Quỹ Giáo dục Đại học - Hội đồng Anh phát hành tài liệu hướng dẫn cho lãnh đạo cấp cao và những người đứng đầu các trường đại học nhằm khuyến khích họ thực hiện quản lý hiệu quả các nguồn tài chính trong GDĐH [11]. Tài liệu giải thích một số thuật ngữ liên quan đến các bộ phận quản lý. Trong đó, *trách nhiệm* là việc không thể ủy thác trong phê duyệt định hướng chiến lược và

khả năng tài chính, những tác động của tài chính đến các hoạt động của đơn vị. *Trách nhiệm giải trình* nói đến cơ chế phân cấp, người đứng đầu của tổ chức chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý về việc thu và sử dụng các nguồn tài chính. Tài liệu này cũng đã đưa ra các vấn đề cơ bản như trách nhiệm, định hướng, năng lực, kế hoạch, rủi ro, thông tin, quy trình... của mỗi cấp quản lý đối với sức khỏe tài chính trong GDĐH. Các nhà quản lý được hướng dẫn cụ thể nhiệm vụ của mình để đảm bảo quản lý tài chính hiệu quả ở từng bộ phận từ cơ quan quản lý đến các trường đại học, đưa ra các chỉ dẫn cụ thể trong quản lý tài chính GDĐH, nguyên tắc thực hiện cũng như tự đánh giá về cấu trúc và quy trình có phù hợp với nguyên tắc đề ra hay không bằng hệ thống câu hỏi cho chính các nhà quản lý.

Trong báo cáo nghiên cứu về “Hiệu quả của GDĐH công: tiếp cận hai giai đoạn đa quốc gia” [13], các tác giả Joanna Wolszczak-Derlacz và Aleksandra Parteka đã tổng kết việc thực hiện nghiên cứu 259 trường đại học thuộc 7 quốc gia châu Âu về các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nghiên cứu sử dụng hai thông số kỹ thuật phân tích, lần đầu bao gồm hai kết quả đầu ra (ấn phẩm và số sinh viên tốt nghiệp) và ba yếu tố đầu vào (số lượng đội ngũ, quy mô sinh viên và kinh phí) và lần thứ hai với hai kết quả đầu ra như trên và hai đầu vào (số lượng đội ngũ và kinh phí). Quy mô sinh viên, số lượng các khoa, nguồn kinh phí, thành phần đội ngũ và bề dày truyền thống được tìm thấy là những nhân tố quyết định hiệu suất của

các đơn vị. Về tài chính, mức đầu tư của các nguồn bên ngoài cao hơn sẽ nâng cao hiệu quả của tổ chức. Các tác giả cũng kết luận rằng, do hiệu quả khác biệt giữa các trường trong mỗi quốc gia nên không thể chỉ ra quốc gia nào có thể là chuẩn mực cho các quốc gia khác. Bên cạnh đó, vị trí địa lý hay chỉ số tổng thu nhập bình quân đầu người cũng không phải là yếu tố tác động đến hiệu quả đào tạo.

Bài “Phân tích sự gia tăng chi phí GDDH” của các tác giả Robert B. Archibald và David H. Feldman [15] đã so sánh việc tăng chi phí GDDH với việc tăng giá thành sản xuất sản phẩm của một số ngành công nghiệp và dịch vụ khác, phân tích căn bệnh chi phí và các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí GDDH. Gia tăng chi phí được các tác giả phân tích như một căn bệnh mà người phải gánh chịu nó là người học. Một trong những lí do đáng nói là sự chậm tăng năng suất trong dịch vụ sẽ đặt áp lực lên việc tăng giá dịch vụ bên cạnh áp lực về tăng lương, chi phí bảo hiểm cho lao động có trình độ cao. Một số đề xuất như tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, điều chỉnh quy mô, hình thức tổ chức lớp học hay kiểm soát chặt chẽ chi phí có thể kiểm soát “căn bệnh” trên nhưng không phải dễ dàng. Riêng trong vấn đề kiểm soát chi tiêu bằng cách hạn chế doanh thu của các trường đại học có thể dẫn đến những tác dụng phụ không mong muốn.

D. Bruce Johnstone cho rằng: “Tài chính là nền tảng chi phối phần lớn ba chủ đề bao quát về chính sách GDDH hiện đại: *chất lượng*, và mối quan hệ giữa việc cấp chi phí và chất lượng ở bất cứ

khía cạnh nào của nó; *sự nhập học*, hay việc tìm kiếm công bằng xã hội ở những người được hưởng lợi ích và những người phải chi trả cho GDDH; và *hiệu quả*, hay việc tìm kiếm một mối quan hệ về hiệu suất chi phí giữa các nguồn thu nhập và các sản phẩm đầu ra” [5]. Về việc cung cấp tài chính cho GDDH, cần xem xét ba vấn đề lớn: *Quy mô đầu tư cho GDDH của quốc gia, hiệu quả và năng suất của giáo dục đại học, các nguồn thu nhập để hỗ trợ cho GDDH*. Trong đó, vấn đề chi phí đơn vị có sự khác biệt lớn và lạm phát trong chi phí đôi khi tăng hơn mức bình thường. [5]

## 2.2. Tự chủ tài chính giáo dục đại học

Tự chủ là một đặc điểm quan trọng của tổ chức GDDH. Trên thế giới đã có rất nhiều nghiên cứu về vấn đề này từ những thập niên 60-70 của thế kỉ XX. Có thể phân loại các nghiên cứu theo ba dạng sau:

*a. Nghiên cứu về sự thay đổi, xu hướng và sự phát triển, đổi mới và chính sách*

Trong “Tài chính cho GDDH - xu hướng và vấn đề” [9], Arthur M. Hauptman đã nêu một số khái niệm vĩ mô về chính sách tài chính GDDH như mức độ hỗ trợ tổng thể các nguồn lực cho GDDH, tỉ lệ hoàn vốn, mức độ đầu tư và tham gia của nhà nước. Ông phản ánh những quan điểm đang thay đổi trên thế giới và sự tác động đến sự phát triển của quốc gia. Trong đó là các vấn đề yêu cầu ngày càng tăng trên cơ sở tỉ lệ hoàn vốn đang tăng, sự tăng trưởng không đồng đều giữa quy mô đào tạo và nguồn lực, kêu gọi tăng cường tính trách nhiệm, việc

tư nhân hóa và cơ chế thị trường.

Báo cáo về “GDDH Việt Nam - khủng hoảng và trách nhiệm” tháng 11-2008 của chương trình châu Á - Trường Harvard Kennedy, thông qua kinh nghiệm hợp tác từ Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), đã nêu lên các vấn đề gốc rễ trong khủng hoảng GDDH ở Việt Nam và tầm quan trọng của việc đổi mới thể chế, trong đó vấn đề tự chủ và trách nhiệm được nêu ra như là yếu tố cơ bản. Báo cáo cũng đề cập cơ chế trả lương cho viên chức giảng dạy. [18]

Trong “Cải cách quản trị đại học: Khả năng tự chủ nhiều hơn?” [16], Tom Christensen bàn về những xu hướng cải cách quản lý công trong giáo dục qua các giai đoạn khác nhau. Tự chủ đại học hiện nay được chuyển từ tự chủ hình thức ở cấp độ thấp sang tự chủ thực sự ở mức cao hơn. Vấn đề này dựa trên hai yếu tố, một là thay đổi những quan điểm về tổ chức, văn hóa và môi trường nội tại, hai là phác thảo xu hướng cải cách nhà trường. Nhiều trường đại học đã chủ động tìm cách khai thác các nguồn tài chính thay vì phụ thuộc vào sự bảo trợ từ tài chính công như trước đây.

*b. Nghiên cứu liên quan đến cơ chế chỉ đạo, điều hành và quản lý*

Trong báo cáo (1994): “GDDH: Bài học kinh nghiệm” [19], Ngân hàng Thế giới, đã trình bày kinh nghiệm qua nghiên cứu GDDH ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, về quản trị đại học ở cả cấp hệ thống và cấp trường; chỉ ra chìa khóa thành công cho các chương trình cải cách GDDH là xác định

lại vai trò của Chính phủ, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm của các trường đại học công.

Trong báo cáo “Phát huy hiệu quả của GDDH” [6], Ngân hàng Thế giới khu vực châu Á Thái Bình Dương (2012) đã đề cập vấn đề quản lý GDDH công lập qua lăng kính của vấn đề tự chủ và đảm bảo trách nhiệm trong xu thế GDDH thế giới chuyển hướng sang mô hình thị trường. Báo cáo cũng nói về phạm vi tự chủ với hai khái niệm là tự chủ thực chất và tự chủ thủ tục. *Tự chủ thực chất* là tự chủ về thiết kế chương trình, chính sách nghiên cứu, tiêu chuẩn tuyển sinh, bổ nhiệm cán bộ giảng dạy, trao bằng; và *tự chủ thủ tục* là tự chủ về ngân sách, quản lý tài chính, bổ nhiệm viên chức hành chính, mua sắm, kí kết hợp đồng.

*c. Nghiên cứu tập trung vào các giới hạn của quyền tự chủ hoặc mức độ tự chủ*

Trong “Toàn cầu hóa trong quản trị đại học” [10], Fielden J. đã hệ thống và khái quát xu hướng toàn cầu trong quản trị đại học về thể chế hóa địa vị pháp lý các trường đại học công như thực thể độc lập tự chủ, giảm bớt sự kiểm soát nhà nước, trao quyền tự chủ tài chính cho các trường, tăng cường các biện pháp đảm bảo trách nhiệm xã hội, tăng cường quản lý cấp trường thông qua xây dựng hội đồng trường...

Trong “Tự chủ tài chính trong GDDH” [17], Vuokko Kohtamaki đã tiến hành nghiên cứu ở các trường thuộc tổ chức GDDH AMK Phần Lan. Ông phân tích về mức độ tự chủ tài chính, mối quan hệ với cơ quan chủ quản là Bộ Giáo dục và cơ chế kiểm soát của cơ quan quản lý

với cơ sở GDĐH. Nguồn lực hoạt động và quyền tự chủ rất quan trọng đối với trường đại học, song tự chủ tài chính là một hiện tượng phức tạp và thuộc các quy phạm hành chính. Nghiên cứu còn đề cập mối tương quan giữa cơ chế tự chủ nguồn lực tài chính với sự phát triển các ngành và quy mô đào tạo của các trường.

Vấn đề quản lý tài chính GDĐH đã được nghiên cứu trong nhiều thập kỉ ở các quốc gia phát triển cùng với sự phát triển của nền giáo dục thế giới. Các nước Âu - Mỹ đã trải qua nhiều giai đoạn lịch sử của GDĐH với các cơ chế quản lý nhà trường và quản lý tài chính khác nhau. Các cải cách xã hội với nền hành chính công và xu thế phát triển của nền kinh tế thị trường ở các nước đòi hỏi sự đổi mới cơ chế quản lý GDĐH, trong đó, vấn đề tự chủ đại học và tự chủ tài chính là nội dung cơ bản. Để quản lý tài chính mang lại hiệu quả và chất lượng cho GDĐH, các nghiên cứu cũng đề cập những nội dung cụ thể của các vấn đề liên quan như quy mô đầu tư, tuyển sinh, cơ chế chia sẻ chi phí đào tạo... hay những nội dung rất chi tiết như nguyên tắc quản lý, cơ chế đánh giá...

### **3. Các nghiên cứu trong nước về đổi mới cơ chế tài chính cho GDĐH**

Việc nghiên cứu quản lý tài chính GDĐH trong nước là một lĩnh vực khá mới, các nghiên cứu về vấn đề này không nhiều, chủ yếu là các bài báo khoa học đăng trong kỉ yếu các hội thảo khoa học cấp quốc gia hoặc các tạp chí khoa học giáo dục.

Hội thảo khoa học “Quản lý nhà nước và tự chủ tài chính trong các trường

đại học” được tổ chức từ ngày 20 đến ngày 21-12-2001 tại Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường Đại học Sư phạm TPHCM trong khuôn khổ Dự án GDĐH – Bộ Giáo dục và Đào tạo [8] là một trong những hoạt động mở đầu cho việc nghiên cứu đổi mới cơ chế tài chính GDĐH. Các báo cáo khoa học tại hội thảo này tập trung vào hai vấn đề cơ bản:

- Quản lý nhà nước về tài chính đại học và công bằng xã hội được trình bày trong các báo cáo: “Bàn về cơ chế quản lý giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các trường Đại học” (Vũ Thiệp); “Định hướng đổi mới cơ chế tài chính đối với các trường đại học và cao đẳng” (Trần Thu Hà); “Công bằng xã hội trong giáo dục đại học: điều kiện học tập và chính sách học phí, học bổng, tín dụng đối với sinh viên” (Nghiêm Đình Vỹ, Đỗ Quốc Anh); “Phương thức cấp phát ngân sách đầu tư cho GDĐH – kinh nghiệm của dự án Ngân hàng Thế giới” (Nguyễn Thị Hồng Yến)...

- Tự chủ tài chính của các trường đại học về mức độ, phạm vi, phương thức triển khai được bàn luận trong các báo cáo: “Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường đại học Việt Nam về mặt tổ chức – quản lý nhà trường” (Vũ Văn Tảo); “Đổi mới công tác quản lý tài chính trong các trường đại học để làm đòn bẩy nâng cao chất lượng, hiệu quả và hiệu suất đào tạo” (Lê Đức Ngọc). Tác giả Lê Đức Ngọc đã đề cập các vấn đề cụ thể về cơ chế đầu tư của Nhà nước thông qua mức thu học phí, quy mô tuyển sinh, chính sách tín dụng sinh viên; đồng thời ông cũng nêu cụ thể các nhiệm vụ của

công tác quản lý tài chính ở nhà trường là: xây dựng các chỉ số và định mức về tài chính, xây dựng cơ chế phân phối nguồn lực nhằm khuyến khích tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp, bảo đảm các nguồn lực được phân phối và sử dụng hiệu quả, bảo vệ nguồn tài chính GDDH thông qua các khâu như lập kế hoạch, phân phối các nguồn lực, sử dụng các nguồn lực, đánh giá và kiểm toán.

Một số báo cáo cũng nêu bất cập trong quản lý tài chính của các trường đại học hiện nay là có ít cán bộ quản lý có kiến thức về quản lý tài chính. Điều này sẽ khiến cho việc thực hiện tự chủ tài chính trong trường đại học gặp không ít khó khăn.

Tại Hội thảo lần thứ 2 về giáo dục so sánh: “Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa” tháng 5-2008 do Viện Nghiên cứu giáo dục Trường Đại học Sư phạm TPHCM tổ chức, TS Lê Văn Hào có báo cáo giới thiệu về các mô hình phát triển tài chính đại học trên thế giới và đề xuất những vấn đề cần quan tâm của Việt Nam khi áp dụng các mô hình này để bổ sung nguồn lực tài chính cho GDDH. Cũng trong Hội thảo này, GS TS Lâm Quang Thiệp đã cho rằng: Quan niệm GDDH là lợi ích công thuận tụy nên chuyển thành quan niệm GDDH có một phần lợi ích tư dẫn đến lập luận logic về nhu cầu chia sẻ kinh phí. Cũng trên quan điểm đó, GS Phạm Phụ phân tích về chi phí đơn vị hợp lý cho việc đào tạo của các trường đại học, cơ sở khoa học của việc gánh chịu chi phí ở GDDH và kiến nghị về “chia sẻ chi phí” cho GDDH Việt Nam. [8]

Trong Hội thảo quốc gia về Khoa học giáo dục Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức tại Hải Phòng vào tháng 2-2011 [2] có nhiều báo cáo về giáo dục Việt Nam trong cơ chế thị trường, đặt vấn đề về khái niệm thị trường giáo dục và các yếu tố liên quan như tính cạnh tranh, nguồn cung ứng dịch vụ, sự phân cấp và phân quyền trong quản lý.

Đề tài “Nghiên cứu quản lý tài chính GDDH của một số nước trên thế giới” của tác giả Vương Thanh Hương do Viện Khoa học giáo dục Việt Nam chủ trì đã chỉ ra những xu hướng chung và sự khác biệt về quản lý tài chính GDDH của một số nước như Mĩ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore. Tác giả phân tích chính sách đa dạng hóa nguồn thu, cơ chế kiểm tra giám sát và chính sách phân cấp quản lý của các trường đại học, từ đó đưa ra các bài học kinh nghiệm và khuyến nghị vận dụng cho GDDH Việt Nam. Ngoài ra, còn có một số đề tài nghiên cứu khoa học và bài viết nghiên cứu đổi mới quản lý GDDH và GDDH Việt Nam trong cơ chế của nền kinh tế thị trường, như: “*Giáo dục Việt Nam trong cơ chế thị trường*” (Nguyễn Kim Dung và Trần Quốc Toàn), “Quản lý công mới trong bối cảnh hình thành thị trường giáo dục Việt Nam” (Phạm Đỗ Nhật Tiên), “Bàn về một số khoảng cách giữa chính sách và thực tiễn phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường” (Đặng Ứng Vận) in trong Kỉ yếu Hội thảo Quốc gia. [2]

Ở bậc đào tạo sau đại học đã có một số luận án tiến sĩ nghiên cứu về GDDH, trong đó có nội dung đề cập vấn đề tài

chính ở GDDH, như: Luận án “Hoàn thiện chính sách phát triển GDDH Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Bá Cần (2005); “Quản lý nhà nước theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm ở các trường đại học Việt Nam” của Phan Huy Hùng (2009). Một số luận văn thạc sĩ chuyên ngành kinh tế hoặc tài chính cũng nghiên cứu việc hoàn thiện cơ chế tài chính đối với một số lĩnh vực hoạt động của nhà trường gắn với các đơn vị cụ thể (Đại học Công đoàn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Đà Nẵng).

#### **4. Cơ sở pháp lý về tự chủ tài chính trong giáo dục đại học**

Luật Giáo dục được Quốc hội thông qua ngày 02-12-1998 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật là cơ sở pháp lý quan trọng để GDDH Việt Nam có điều kiện phát triển phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, Hiệu trưởng các trường được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên một số mặt của công tác tổ chức, cán bộ, công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, quản lý tài chính, tài sản và quan hệ quốc tế. Song trong giai đoạn này mới chỉ tập trung đổi mới cơ chế cho hai Đại học Quốc gia. Ngày 14-6-2005, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật Giáo dục sửa đổi, thay thế cho Luật Giáo dục ban hành năm 1998, khẳng định đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Nhà nước ưu tiên đầu tư cho giáo dục; khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục. Ngân sách nhà nước phải giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn

lực đầu tư cho giáo dục. Bên cạnh đó, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường trung cấp, trường cao đẳng, trường đại học được quy định cho một số hoạt động, trong đó có việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực (Điều 60) [7].

Sau khi Nghị quyết 14/2005/NQ-CP của Chính phủ được ban hành ngày 02-11-2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện GDDH Việt Nam giai đoạn 2006-2020, có rất nhiều hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia, quốc tế được tổ chức xoay quanh vấn đề đổi mới công tác quản lý GDDH theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm tìm kiếm những giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng GDDH Việt Nam. Trong lĩnh vực tài chính GDDH, các nhà giáo dục và cán bộ quản lý giáo dục đã nghiên cứu, phân tích sâu sắc trên nhiều góc độ về nguồn lực tài chính cho GDDH.

Nghị quyết số 35/2009/QH12 về chủ trương định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 đã nêu rõ mục tiêu là: “Xây dựng một số cơ chế tài chính mới cho giáo dục và đào tạo, nhằm huy động ngày càng tăng và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của nhà nước và xã hội để nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô và bảo đảm công bằng trong giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; góp phần xây dựng hệ thống các chính sách để tiến tới mọi người ai cũng được học hành với nền giáo dục có chất lượng ngày càng cao”. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ sở pháp lý

và chính sách để tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ sở đào tạo nghề nghiệp và đại học công lập.

Ngày 18-6-2012, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật GDĐH. Chính sách của Nhà nước về phát triển GDĐH có nêu về tài chính đối với GDĐH, là: tăng ngân sách nhà nước đầu tư cho GDĐH; đầu tư có trọng điểm để hình thành một số cơ sở GDĐH chất lượng cao, theo định hướng các nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, các ngành công nghệ cao và ngành kinh tế - xã hội then chốt đạt trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới; thực hiện xã hội hóa GDĐH; ưu tiên về đất đai, thuế, tín dụng, đào tạo cán bộ để khuyến khích các cơ sở GDĐH tư thục và cơ sở GDĐH có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận; ưu tiên cho phép thành lập cơ sở GDĐH tư thục có vốn đầu tư lớn, bảo đảm các điều kiện thành lập theo quy định của pháp luật; cấm lợi dụng các hoạt động GDĐH vì mục đích vụ lợi...

Từ góc độ quản lý tài chính nhà nước, Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16-01-2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp công lập có thu đã quy định cụ thể quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về tài chính. Các trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo đã sớm được giao quyền tự chủ về tài chính và triển khai vào công tác quản lý của nhà trường. Khi thực hiện Nghị định 10/2002/NĐ-CP, nhiều nội dung liên quan đến công tác tài chính được đặt ra và bàn thảo ở nhiều cấp và

quy mô khác nhau nhằm tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính của các trường đại học. Các ý kiến cho thấy sự đồng bộ trên nhiều phương diện quản lý của các đơn vị sự nghiệp trong việc đổi mới công tác quản lý là vấn đề cấp thiết.

Ngày 25-4-2006, Chính phủ ban hành Nghị định 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thay thế Nghị định 10/2002/NĐ-CP, tạo điều kiện cho các đơn vị được chủ động hơn trong thực hiện nhiệm vụ và tổ chức bộ máy hoạt động. Cơ chế tự chủ thực sự đã giải tỏa áp lực rất lớn cho các trường trong lĩnh vực tài chính, khai thác nguồn thu, linh hoạt hơn trong sử dụng nguồn tài chính để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo. [3]

Ngoài ra các trường đại học còn phải tuân thủ Luật Ngân sách Nhà nước, Chế độ kế toán đối với đơn vị hành chính sự nghiệp, Mục lục ngân sách Nhà nước, các Luật thuế, các văn bản quy định về chế độ, định mức chi tiêu hiện hành, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và công khai tài chính.

## **5. Kết luận và kiến nghị**

Khi đánh giá, kiểm định chất lượng trường đại học, thì nguồn lực tài chính và công tác quản lý tài chính là một trong mười tiêu chuẩn để xem xét. Theo đó, trường đại học phải có các giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, có một hệ thống quản lý chặt chẽ, phù hợp với các quy định của Nhà nước; công tác lập kế hoạch tài chính được chuẩn hóa, công



khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định; thực hiện phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

Chu trình quản lý tài chính bắt đầu từ bước lập dự toán, giao dự toán, chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách cho đến các khâu tự kiểm tra tài chính, thẩm định kiểm tra báo cáo tài chính của các cơ quan quản lý, và cuối cùng là công khai tài chính. Chu trình này đòi hỏi nhà trường cần có bộ máy kế toán chuyên nghiệp, có trình độ để đảm bảo hiệu quả các chỉ tiêu trong nhà trường, đảm bảo tính minh bạch, chính xác. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên là yêu cầu và cũng là chức năng quan trọng của công tác kế toán.

Việc phân tích hoạt động tài chính chính xác, thực hiện cơ chế tự chủ phù hợp sẽ giúp cho việc định hướng phát triển nhà trường theo đúng sứ mạng, tôn chỉ hoạt động, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho lợi ích của nhà trường và xã hội.

Như vậy, ở nước ta, các nghiên cứu

về tự chủ đại học và tự chủ tài chính GDDH được biết đến khá muộn so với thế giới, song hiện nay đang là vấn đề mà công tác quản lý giáo dục quan tâm. Nhằm góp phần thực hiện công tác này ngày càng hiệu quả hơn, chúng tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

- Thay đổi cơ chế phân bổ ngân sách nhằm tập trung vào những ngành nghề cần đầu tư theo định hướng phát triển, đảm bảo công bằng như chính sách chung;

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ phù hợp với ngành giáo dục thay vì cơ chế chung cho đơn vị sự nghiệp công lập như hiện nay;

- Giao tự chủ về các thủ tục nhiều hơn, tạo cơ chế cho các trường đại học đa dạng hóa nguồn thu;

- Thực hiện tự chủ tài chính đồng bộ với tự chủ đại học ở các lĩnh vực quản lý khác;

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Đổi mới quản lý hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Kỉ yếu Hội thảo Quốc gia về khoa học giáo dục Việt Nam*, tập 1, tháng 2-2011.
3. Chính phủ (2006), *Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25-04-2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập*.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Nghị quyết số 29-NQ/TW, Ban Chấp hành Trung ương.
5. Lâm Quang Thiệp, D. Bruce Johnstone, Philip G. Altbach (2006), *Giáo dục đại học Hoa Kỳ*, Nxb Giáo dục, Đỗ Thị Diệu Ngọc dịch.
6. Ngân hàng Thế giới khu vực Đông Á Thái Bình Dương (2012), *Phát huy hiệu quả của giáo dục đại học*, Ngân hàng Thế giới, Washington D.C.

7. Quốc hội (2005), *Luật Giáo dục*, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 1998.
8. Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2001), *Kiểm yếu Hội thảo khoa học “Quản lý nhà nước và tự chủ tài chính trong các trường đại học”*, tháng 12-2001.
9. Viện Nghiên cứu Giáo dục Trường Đại học Sư phạm TPHCM (2008), *Kiểm yếu Hội thảo lần thứ 2 về giáo dục so sánh “Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa”*, tháng 5-2008.
10. Fielden Jonh (2008), *Global trends in university governance*, World Bank.
11. Higher Education Funding Council for England (1998), *Effective financial management in higher education - A guide for governors, heads of institution and senior managers*, Ref 98/29.
12. Indhi Emmanuel, Gail Reekie (2004), *Financial Management and Governance in HEIs: Australia*, Higher Education Group, Department of Education, Science and Training, National Report, Commonwealth, Australia.
13. Joanna Wolszczak-Derlacz, Aleksandra Parteka (2011), *Efficiency of European public higher education institutions: a two-stage multicountry approach*, Springerlink.com.
14. Kenton, Jay D (2002), *Presentation and Analysis of Financial Management*, National Association of college and University Business officer, Onc Dupont Circle, Washington, DC, USA.
15. Robert B. Archibald, David H. Feldman (2006), *Explaining Increase in HE Cost* [wmpeople.wm.edu/.../explainingincreasesinhighereducatio](http://www.wmpeople.wm.edu/.../explainingincreasesinhighereducatio).
16. Tom Christensen (2011), *University governance reforms: potential problems of more autonomy?*, Springerlink.com.
17. Vuokko Kohtamaki (2009), *Finance Autonomy in Higher Education Institution- Perspectives of senior Management of Finnish AMK Institutions*, Tampere University Press, University of Tampere, Finland.
18. <http://www.hks.harvard.edu/innovations/asia/Documents/HigherEducationOverview112008.pdf>
19. <http://www.worldbanw.org/edu/html/extdr/educ/postbasc.htm>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-11 -2013; ngày phản biện đánh giá: 12-01-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 20-01-2014)